

CHÍNH PHỦ
Số: 05/2010/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc áp dụng Luật Phá sản đối với các tổ chức tín dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn Luật Phá sản ngày 24 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc áp dụng Luật Phá sản đối với tổ chức tín dụng về điều kiện và việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; xác định nghĩa vụ về tài sản và các biện pháp bảo toàn tài sản trong thủ tục phá sản; điều kiện, thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, thủ tục thanh lý tài sản và tuyên bố phá sản; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, của tổ chức tín dụng bị yêu cầu tuyên bố phá sản và của người tham gia giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Thủ tục phá sản

1. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thủ tục phá sản được áp dụng đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản bao gồm:

- Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản;
- Phục hồi hoạt động kinh doanh;
- Thanh lý tài sản, các khoản nợ;
- Tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản.

2. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản về việc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán đối với tổ chức tín dụng, sau khi mở thủ tục phá sản, Thẩm phán quyết định áp dụng thủ tục thanh lý tài sản, các khoản nợ quy định tại điểm c khoản 1 và tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản mà không áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Nghị định này không có quy định thì những nội dung liên quan đến thủ tục phá sản tổ chức tín dụng sẽ được áp dụng theo Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phá sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

- "*Kiểm soát đặc biệt*" là việc một tổ chức tín dụng được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- "*Các khoản nợ đến hạn*" là các khoản tiền hoặc tài sản mà tổ chức tín dụng nợ người khác (sau đây gọi là chủ nợ) không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần (chỉ tính phần không có bảo đảm) đã đến hạn thanh toán theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện xác định tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản

Tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu, sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng kiểm soát đặc biệt thì được coi là lâm vào tình trạng phá sản.

Điều 5. Thẩm quyền của Tòa án

1. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng đã đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đó.
2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài đó.

Điều 6. Tổ quản lý, thanh lý tài sản

1. Đồng thời với việc ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán hoặc Tổ Thẩm phán phụ trách (sau đây gọi chung là Thẩm phán) việc phá sản tổ chức tín dụng ra quyết định thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản để làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản.
2. Thành phần Tổ quản lý, thanh lý tài sản gồm có:
 - a) Một chấp hành viên của cơ quan thi hành án cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản làm Tổ trưởng;
 - b) Một cán bộ của Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
 - c) Một đại diện của chủ nợ là tổ chức, cá nhân có số nợ lớn nhất trong số các chủ nợ;
 - d) Một đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng bị mở thủ tục phá sản;
 - đ) Một đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - e) Một đại diện của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng của tổ chức tín dụng;
 - g) Trong trường hợp tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản có nợ lương hoặc các khoản nợ khác đối với người lao động, Thẩm phán xem xét, quyết định việc có đại diện công đoàn, đại diện người lao động tham gia Tổ chức quản lý, thanh lý tài sản.
3. Tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm cử đại diện tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản theo yêu cầu của Thẩm phán.
4. Trường hợp tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản có chi nhánh hoạt động tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản có thể thành lập bộ phận giúp việc làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản của chi nhánh của tổ chức tín dụng đó.

Tổ quản lý, thanh lý tài sản quy định cụ thể thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận giúp việc này.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Tổ quản lý, thanh lý tài sản

1. Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 và 11 của Luật Phá sản.
2. Chế độ làm việc của Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 20 và từ Điều 22 đến Điều 33 của Nghị định số 67/2006/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt và tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản.

Chương II

NỘP ĐƠN YÊU CẦU VÀ MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 8. Những người có quyền và nghĩa vụ trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Những người sau đây có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:
 - a) Chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần của tổ chức tín dụng;
 - b) Người lao động làm việc trong tổ chức tín dụng;
 - c) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng nhà nước, cổ đông của tổ chức tín dụng cổ phần.
2. Đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi nhận thấy tổ chức mình lâm vào tình trạng phá sản.
3. Trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nếu nhận thấy tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ thông báo bằng văn bản cho những người nêu tại khoản 1 Điều này biết để họ xem xét việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Cơ quan thông báo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông báo đó.
4. Những người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 và 2 Điều này có các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định tại Điều 19 của Luật Phá sản.

Điều 9. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được lập và nộp theo quy định từ Điều 13 đến Điều 17 của Luật Phá sản.
2. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải được nộp tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

Điều 10. Phí phá sản

Việc nộp phí phá sản, tạm ứng phí phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Luật Phá sản.

Điều 11. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật Phá sản

Điều 12. Thông báo việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày thụ lý đơn, Tòa án phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biết. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải có văn bản về việc có hoặc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc chấm dứt áp dụng kiểm soát đặc biệt.

2. Trường hợp người nộp đơn không phải là chủ sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản thì trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày thụ lý đơn, Tòa án phải thông báo cho tổ chức tín dụng đó biết. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, tổ chức tín dụng phải xuất trình cho Tòa án các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Phá sản; nếu tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản là người bảo lãnh cho người khác thì trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, tổ chức tín dụng phải thông báo việc mình bị yêu cầu mở thủ tục phá sản cho những người có liên quan.

Điều 13. Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

1. Tòa án ra quyết định trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong những trường hợp sau:

- a) Người nộp đơn không nộp tiền tạm ứng phí phá sản trong thời hạn do Tòa án ấn định;
- b) Người nộp đơn không có quyền nộp đơn;
- c) Có Tòa án khác đã mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản đó;
- d) Có căn cứ rõ ràng cho thấy việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do không khách quan gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng hoặc có sự gian dối trong việc yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- đ) Tổ chức tín dụng đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc có quyết định áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán đang còn hiệu lực;
- e) Tổ chức tín dụng chứng minh được mình không lâm vào tình trạng phá sản.

2. Người làm đơn có quyền khiếu nại việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 25 của Luật Phá sản.

Điều 14. Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản

Việc tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Phá sản.

Điều 15. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

1. Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản khi có đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có văn bản về việc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt.
- b) Tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2. Quyết định mở thủ tục phá sản phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Phá sản.

3. Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản khi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Việc khiếu nại quyết định không mở thủ tục phá sản được thực hiện theo Điều 32 của Luật Phá sản.

Điều 16. Thông báo quyết định mở thủ tục phá sản

1. Quyết định của Tòa án về mở thủ tục phá sản được gửi cho tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản, Viện Kiểm sát cùng cấp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và đăng trên báo địa phương nơi tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản đặt trụ sở chính và nơi mở chi nhánh, báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp

2. Quyết định của Tòa án về mở thủ tục phá sản phải được thông báo cho các chủ nợ, những người mắc nợ của tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản.

3. Thời hạn gửi và thông báo quyết định mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là bảy (07) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Điều 17. Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

1. Mọi hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản được tiến hành dưới sự giám sát, kiểm tra của Thẩm phán và Tổ quản lý, thanh lý tài sản. Trường hợp mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này thì tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào.